

Số: /KH-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 811/QĐ-BNN-TT ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (gọi tắt là Kế hoạch), với những nội dung chủ yếu như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 811/QĐ-BNN-TT ngày 20/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

##### 2. Yêu cầu

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao của Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Phát triển trồng trọt thành ngành kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh, chuyên nghiệp, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, vững chắc an ninh lương thực quốc gia và các nhu cầu khác của nền kinh tế, gia tăng giá trị xuất khẩu; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân góp phần ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

##### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt bình quân 2,2 - 2,5%/năm; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt bình quân 8 - 10%/năm.

- Đảm bảo tưới chủ động trên 90% diện tích đất chuyên trồng lúa; 70% diện tích cây trồng cạn được tưới, trong đó ít nhất 35% diện tích có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP và tương đương...) là 5 - 10%, diện tích đất trồng trọt hữu cơ là 28.000 ha; tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 30 - 35%.

- Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt đạt trên 150 triệu đồng/ha/năm vào năm 2030.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2050**

Phấn đấu đến năm 2050, ngành trồng trọt tỉnh Kiên Giang là ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại thuộc nhóm đứng đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và của quốc gia. Các sản phẩm ngành trồng trọt được sản xuất theo nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

### **1. Định hướng chung**

a) Phát triển trồng trọt theo hướng tuần hoàn, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường; hướng sản xuất trồng trọt theo mô hình kinh tế tuần hoàn, đầu ra của tiểu ngành này thành đầu vào chất lượng của tiểu ngành khác nhằm khai thác và sử dụng một cách hiệu quả các nguồn tài nguyên, hạn chế chất thải, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm;

b) Nghiên cứu, chuyển giao các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu và đáp ứng với yêu cầu đa dạng của thị trường; bảo tồn, phục tráng, khai thác và phát triển giống cây trồng bản địa, đặc hữu có giá trị kinh tế cao, gắn với vùng sinh thái và chỉ dẫn địa lý; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu sản xuất giống theo hướng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh liên kết công tư trong nghiên cứu, sản xuất cung ứng hạt giống cây giống có chất lượng cao, sạch bệnh;

c) Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh giống cây trồng, tiếp tục quản lý chặt chẽ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, phát triển các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong dự tính dự báo sinh vật gây hại cây trồng; kiểm soát tồn thất sau thu hoạch do sinh vật hại kho gây nên; bảo vệ sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái;

d) Sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, nhất là đất, nước theo hướng bền vững; kiểm

soát mức độ suy thoái đất, duy trì bảo vệ độ phì đất, tối ưu hoá các mục đích sử dụng đất nông nghiệp; bảo đảm an ninh và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; tăng cường tạo nguồn, tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ nông nghiệp;

đ) Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất trên cơ sở hợp đồng tạo điều kiện thuận lợi để cấp chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa các bên tham gia; phát triển các chuỗi ngành hàng chủ lực;

e) Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, trước hết đối với sản phẩm chủ lực tại các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn; hình thành, phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh tại một số vùng sản xuất tập trung nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, thương mại của hàng nông sản; phát triển và áp dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất nông sản cả về số lượng, chất lượng và gia tăng giá trị, nhất là công nghệ bảo quản lạnh;

g) Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo ổn định và nâng cao giá trị cho các sản phẩm trồng trọt; xây dựng và phát triển thương hiệu một số nông sản chủ lực có lợi thế và khác biệt.

## **2. Định hướng phát triển một số cây trồng chính trên địa bàn tỉnh**

### **a) Lúa gạo**

- Là vùng sản xuất lúa gạo chất lượng cao và quy mô lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Phát triển sản xuất lúa ở vùng quy hoạch tập trung được đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, hậu cần logistics. Giữ ổn định diện tích 375.000 ha đất trồng lúa, trong đó đất chuyên trồng lúa nước 299.406 ha sản lượng trên 4,4 triệu tấn lúa, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, chế biến, dự trữ và xuất khẩu. Trong đó, lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm từ trên 90%.

- Sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa có kiểm soát thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung gieo trồng các giống lúa chất lượng cao theo nhu cầu của thị trường và áp dụng quy trình canh tác bền vững, giảm vật tư đầu vào; vùng chuyên sản xuất lúa hàng hóa, nâng tỷ lệ sử dụng giống xác nhận lên trên 90%, tập trung phát triển cơ giới hóa đồng bộ từ làm đất đến thu hoạch. Chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác hoặc nuôi trồng thủy sản thích ứng biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và nước biển dâng.

- Tăng chế biến sâu, phát triển đa dạng các sản phẩm có giá trị cao từ lúa, gạo, như tinh bột, thực phẩm chức năng, dầu ăn, bánh cao cấp, mỹ phẩm, dược liệu...; tăng chế biến các phụ phẩm lúa gạo (rom, rạ, trấu, cám) để tăng giá trị gia tăng từ lúa gạo.

### **b) Rau**

- Trên cơ sở phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu để tăng diện tích và đa dạng chủng loại, mùa vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang tăng nhanh trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng các chuỗi liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ rau tại các địa phương, các vùng có sản lượng rau lớn; phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc.

- Sản xuất rau hướng vào nâng cao chất lượng, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ, ... để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.

#### c) Cây công nghiệp chủ lực (hồ tiêu, dứa)

- Cây hồ tiêu:

Tập trung quản lý quy mô phát triển hồ tiêu phù hợp nhu cầu thị trường, giảm một phần diện tích không phù hợp trồng hồ tiêu, diện tích hồ tiêu già cỗi, bị bệnh hại nặng sang cây trồng khác có hiệu quả cao hơn. Nghiên cứu chọn tạo và chuyển giao giống hồ tiêu sạch bệnh có năng suất, chất lượng và chống chịu sâu bệnh hại, xây dựng cơ cấu giống phù hợp thị trường tiêu thụ cho từng vùng sinh thái. Ưu tiên giải pháp trồng xen nâng cao hiệu quả kinh tế.

Liên kết sản xuất, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về thiết kế vườn trồng, tưới nước tiết kiệm, sử dụng các chế phẩm sinh học trong phòng trừ bệnh hại; sản xuất hồ tiêu có chứng nhận an toàn, hồ tiêu hữu cơ và xây dựng chỉ dẫn địa lý. Tăng cường chế biến sâu, đa dạng các sản phẩm hồ tiêu như tinh dầu hồ tiêu, tiêu đen, tiêu trắng chất lượng cao, tiêu nghiền bột, tiêu đỏ, tiêu xanh khô và tiêu muối phục vụ nội tiêu và xuất khẩu gắn với phát triển du lịch nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất hồ tiêu.

- Cây dứa:

Ổn định diện tích các vùng dứa hiện có, mở rộng diện tích trồng xen; tập trung các giải pháp cải thiện chất lượng vườn dứa, đẩy mạnh nghiên cứu chọn tạo, sản xuất các giống mới có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, xây dựng phổ biến quy trình canh tác bền vững; rà soát các vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi hình thành và phát triển các vùng sản xuất dứa hữu cơ tập trung, gắn với xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, đảm bảo cung ứng ổn định nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến; đa dạng các sản phẩm mới có giá trị cao từ cơm dứa, nước dứa, dầu dứa, mật hoa dứa, chỉ xơ dứa, than gáo dứa...; thúc đẩy sự gắn kết và nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị ngành dứa. Phát triển các cơ sở sản xuất, chế biến dứa phục vụ du lịch; tiêu thụ sản phẩm tại chỗ kết hợp xây dựng không gian phát triển vườn dứa với du lịch sinh thái miệt vườn, ẩm thực, gắn với xây dựng các sản phẩm OCOP của địa phương.

#### d) Cây ăn trái (khóm, chuối, xoài, cây có múi, sầu riêng, chanh leo)

- Tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực tập trung trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái, gắn với phát triển các nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ. Ưu tiên phát triển một số cây ăn quả

có lợi thế, có thị trường tiêu thụ như khóm, chuối, xoài, cây có múi, sầu riêng, chanh leo.

- Đẩy mạnh phát triển nhanh các vùng sản xuất an toàn được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP... được cấp mã số vùng trồng; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản sản phẩm.

### **3. Định hướng phát triển các vùng trồng trọt ứng dụng công nghệ cao**

- Tiếp tục phát triển mạnh các cây trồng chủ lực của tỉnh và cây ăn trái. Xây dựng các trung tâm logistics và chế biến nông sản phục vụ trong tỉnh và các tỉnh lân cận trong khu vực.

- Tiếp tục tập trung thúc đẩy phát triển các vùng trồng trọt có khả năng phát triển thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của tỉnh.

- Mỗi vùng trồng trọt được chứng nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hình thành ít nhất 01 chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm góp phần nâng tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 25% năm 2025 và 30-35% năm 2030.

- Định hướng phát triển các vùng trồng trọt ứng dụng công nghệ cao. Cụ thể:

a) Vùng sản xuất lúa gạo: Tập trung chỉ đạo vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phục vụ xuất khẩu ở vùng Tây Sông Hậu, vùng Tứ Giác Long Xuyên và vùng sản xuất lúa hữu cơ (An Minh, An Biên, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng, Gò Quao và Hòn Đất);

b) Vùng sản xuất cây công nghiệp (hồ tiêu, sim): Tập trung chỉ đạo vùng sản xuất hồ tiêu chất lượng cao các huyện, thành phố như Kiên Lương, Hà Tiên, Phú Quốc, Gò Quao và Giồng Riềng;

c) Vùng sản xuất cây ăn trái:

+ Cây khóm: Tập trung chỉ đạo phát triển vùng sản xuất khóm chất lượng cao, phục vụ xuất khẩu các huyện Gò Quao, Châu Thành, Vĩnh Thuận và U Minh Thượng;

+ Cây chuối, xoài, cây có múi, sầu riêng, chanh leo: tập trung ở các huyện U Minh Thượng, Gò Quao, Giồng Riềng, Hòn Đất, Phú Quốc;

d) Vùng sản xuất cây dược liệu: tập trung chỉ đạo hình thành vùng sản xuất ở huyện Hòn Đất và U Minh Thượng;

e) Vùng sản xuất rau:

Phát triển vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ tập trung quanh khu vực các đô thị, phân bố ở các huyện, thành phố: Châu Thành, Rạch Giá, Phú Quốc, các huyện thuộc vùng Tây Sông Hậu và vùng đệm Vườn Quốc gia U Minh Thượng.

## **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH**

### **1. Truyền thông nâng cao nhận thức**

- Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò, tầm quan trọng của trồng trọt với các giá trị kinh tế, môi trường và ổn định xã hội. Tăng cường, đa dạng hóa các hình thức, nội dung truyền thông để người dân, doanh nghiệp và các thành phần xã hội nhận thức về chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt; tăng trưởng xanh; sản xuất tuần hoàn, ...

- Truyền thông phổ biến các văn bản pháp luật về lĩnh vực trồng trọt nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp và các tầng lớp xã hội có liên quan.

## **2. Đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh**

- Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại, hợp tác xã nông nghiệp; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị và kinh tế số vào chuỗi giá trị.

- Ưu tiên hình thành hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quản trị tiên tiến, đủ sức tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân, nhất là ở các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn.

- Có cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt, đặc biệt chế biến sâu, chế biến phụ phẩm áp dụng công nghệ cao đối với các ngành hàng có lợi thế gắn với tiêu thụ sản phẩm; sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật vi sinh, hữu cơ và các chế phẩm sử dụng trong trồng trọt thân thiện với môi trường, giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, từng bước chủ động nguồn cung ứng vật tư nông nghiệp khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra; khuyến khích người sản xuất sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Chú trọng phát triển các tổ hợp nông, công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ với nông dân theo mô hình sản xuất nông nghiệp đa chức năng và phát triển bền vững.

- Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ đa dạng khác nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực trồng trọt.

- Phát huy vai trò các hiệp hội ngành hàng trong nghiên cứu, tổ chức sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ.

## **3. Phát triển thị trường nông sản**

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản hiện đại.

- Tăng cường quản lý chất lượng từ khâu giống, canh tác đến thu hoạch, bảo quản, chế biến đảm bảo sản phẩm trồng trọt đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm trong nước và quốc tế; áp dụng truy xuất nguồn gốc trong kinh doanh tiêu thụ nông sản.

- Phát triển, tổ chức lại thị trường tiêu thụ nông sản trong nước, xuất khẩu; phát triển thương mại điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến địa phương, doanh nghiệp, người dân về mã số vùng trồng, các quy định của các nước nhập khẩu nông sản lớn của ta như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU,... để tạo điều kiện thâm nhập các thị trường này.

- Đổi mới các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản thông qua tổ chức các hội chợ, triển lãm, hội thảo, diễn đàn, mạng,...

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản ứng dụng công nghệ chế biến mới, nâng cao chất lượng hàng nông sản xuất khẩu, sản xuất các sản phẩm chế biến sâu, có thời gian bảo quản lâu, phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới ở các nước.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, chỉ dẫn địa lý; tăng cường hoạt động kết nối các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản cho nông dân.

#### **4. Khoa học công nghệ và khuyến nông**

- Tập trung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thị trường, khuyến khích đổi mới, sáng tạo để tạo ra các giá trị và sản phẩm mới.

- Tập trung xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực: Chọn tạo các giống lúa mới, giống cây công nghiệp, cây ăn quả, rau chủ lực có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận, sử dụng tiết kiệm nước và phân bón; bảo tồn, phục tráng, khai thác và phát triển các giống cây trồng bản địa, đặc hữu, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao, gắn với vùng sinh thái và chỉ dẫn địa lý; nghiên cứu sản xuất các loại phân bón công nghệ cao, chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học, KIT chẩn đoán bệnh, phát hiện dư lượng chất cấm, thuốc bảo vệ thực vật; nghiên cứu, đánh giá độ phì của đất canh tác và giải pháp quản lý, sử dụng, bổ sung dinh dưỡng, phục hồi đất, giảm phát thải khí nhà kính phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững.

- Tăng cường nghiên cứu, hoàn thiện và chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, sản xuất hữu cơ, tuần hoàn gắn với chuỗi giá trị cho các đối tượng cây trồng chủ lực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật hóa học, giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường; công nghệ, thiết bị phục vụ cơ giới hóa, tự động hóa trong thu hoạch, sơ chế, bảo quản và chế biến sâu một số nông sản chủ lực.

- Thực hiện nghiên cứu theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp; kết hợp nghiên cứu với đào tạo và khuyến nông, giữa sản xuất và chế biến tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi nghiên cứu khép kín.

- Xây dựng các vùng nông nghiệp công nghệ cao nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các vùng sinh thái đặc biệt là các sản phẩm chủ lực.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt: Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt, từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh trồng trọt (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường, ...); phát triển quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy suất nguồn gốc sản phẩm; kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia nông nghiệp, nông thôn phục vụ cho chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu về quản lý vùng trồng, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh.

- Xây dựng và quảng bá nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao đặc biệt là mô hình tổ chức sản xuất mới: Mô hình sản xuất áp dụng VietGAP, mô hình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mùa vụ; mô hình sản xuất thích ứng biến đổi khí hậu, mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi; mô hình nông nghiệp thông minh, tuần hoàn; sản xuất kết hợp du lịch sinh thái ...; tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô.

## **5. Đào tạo nguồn nhân lực**

- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ trồng trọt, bảo vệ thực vật các cấp, nhất là cấp cơ sở. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật trồng trọt, quản lý sinh vật gây hại và an toàn thực phẩm cho nông dân thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Đào tạo nguồn nhân lực phù hợp kinh tế thị trường trên cơ sở khai thác các chương trình khuyến nông, đào tạo nghề và doanh nghiệp tham gia đầu tư theo hướng xã hội hóa.

- Mở rộng các hình thức đào tạo đội ngũ kỹ thuật trồng trọt, bảo vệ thực vật thực hành và đào tạo nghề cho người sản xuất trồng trọt.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nông nghiệp và hợp tác xã, trong đó đặc biệt là đội ngũ quản lý hợp tác xã, thành viên, người sáng lập khởi nghiệp các hợp tác xã nhằm trang bị kiến thức đảm bảo hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

## **6. Xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng**

- Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu gắn với xây dựng đồng ruộng; ứng dụng công nghệ thông tin quản lý và sử dụng nước hiệu quả; sử dụng nước linh hoạt; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng thủy lợi kết hợp với giao thông nội đồng; kết nối các vùng sản xuất tập trung với các tuyến giao thông thủy, bộ giữa các vùng đáp ứng nhu cầu vận chuyển nông sản; phát triển liên kết hệ thống kho chứa, nhà máy chế biến nông sản, chợ đầu mối.



## **7. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước**

- Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống tổ chức ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật từ trung ương đến địa phương, đảm bảo nguyên tắc ở mỗi cấp chính quyền có tổ chức, con người theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật.

- Tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế chính sách quản lý ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả, phù hợp với nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế và quy định của pháp luật; nâng cao hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, làm tốt chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất.

- Xã hội hóa các dịch vụ công về trồng trọt, bảo vệ thực vật để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giám áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

## **8. Đánh giá, kiểm tra**

Tổ chức kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chiến lược, các chương trình, đề án, dự án thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch hằng năm, 05 năm hoặc đột xuất. Rà soát, điều chỉnh chiến lược phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tiễn.

## **IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch:

1. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030 và các kế hoạch chuyên môn liên quan hàng năm.

2. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; công bố kế hoạch sử dụng đất 05 năm tỉnh Kiên Giang để thực hiện có hiệu Chiến lược phát triển trồng trọt.

- Lồng ghép thực hiện chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch thực hiện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và phê duyệt các Kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh như Đề án phát triển các cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030, Đề án Phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2030, Đề án Phát

triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030, Đề án tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo đến năm 2030, Đề án Phát triển sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học, Đề án Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), Đề án Phát triển sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ, Đề án Nâng cao sức khỏe đất và quản lý dinh dưỡng cây trồng; đề xuất các giải pháp tăng cường liên kết vùng, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và xây dựng các vùng nông nghiệp cao nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các vùng sinh thái đặc biệt là các sản phẩm chủ lực.

- Đầu mỗi tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm trước 25/11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

## **2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện triển khai kế hoạch sử dụng đất đối với từng loại cây trồng hiệu quả.

- Tăng cường quản lý môi trường tại vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để đảm bảo phát triển bền vững.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển để thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định liên quan pháp luật về đầu tư công. Trên cơ sở đề xuất của các ngành liên quan, tổng hợp, đề xuất tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công phù hợp theo tiêu chí, định mức phân bổ giai đoạn 2021-2025 đối với lĩnh vực nông nghiệp.

Phối hợp Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tìm kiếm cơ hội đầu tư, gắn với thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

## **4. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch**

Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm nông sản áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ; các hoạt động xúc tiến đầu tư và các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định pháp luật.

## **5. Sở Tài chính**

Trên cơ sở kế hoạch thực hiện được UBND tỉnh phê duyệt hằng năm, nhu cầu kinh phí của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện và trong khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

## **6. Sở Công Thương**

Hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm nông sản áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ).

### **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

Hỗ trợ các doanh nghiệp về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, sản xuất hữu cơ, tuần hoàn vào sản xuất nông sản trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp, hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký mã vạch đối với sản phẩm nông sản áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ).

Phối hợp, kết nối giữa các nhà khoa học, các viện, trường đại học, các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ trong việc nghiên cứu, chuyển giao, giới thiệu những tiên bộ khoa học và công nghệ mới, ứng dụng có hiệu quả và thực tiễn sản xuất cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu.

### **8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép việc xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, lao động kỹ thuật và đào tạo nghề cho nông dân đạt trình độ phù hợp với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người sản xuất trồng trọt hàng năm và giai đoạn.

### **9. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền quan điểm, định hướng của Chiến lược; vai trò, tầm quan trọng của trồng trọt với các giá trị kinh tế, môi trường và ổn định xã hội; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt, tăng trưởng xanh, sản xuất tuần hoàn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân; tuyên truyền, quảng bá về các sản phẩm nông sản áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ) của tỉnh. Hình thức tuyên truyền đa dạng, phù hợp từng đối tượng, địa phương.

### **10. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh**

Triển khai nội dung của Kế hoạch đến nông dân đồng thời vận động, khuyến khích nông dân, tham gia các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị.

### **11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn cấp huyện, thành phố quản lý; định kỳ trước ngày 15/11 hàng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu), báo cáo kết quả

triển khai thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Trồng trọt;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Công Thương;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở LĐ-TB&XH;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Hội Nông dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT, cvquoc.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Nhân**

## Phụ lục

### GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Kế hoạch</b>				
1	Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố.	Năm 2024	
2	Tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược; truyền thông phổ biến các văn bản pháp luật về lĩnh vực trồng trọt.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố.	Hàng năm	
3	Chỉ đạo xây dựng lồng ghép định hướng Chiến lược phát triển trồng trọt trong định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn tại địa phương, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn quản lý về quan điểm, định hướng của Chiến lược	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố.	Hàng năm	
<b>II</b>	<b>Triển khai các nội dung chính của Kế hoạch</b>				
<b>1</b>	<b>Đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh</b>				
1.1	Tổ chức triển khai hiệu quả các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trồng trọt đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	

STT	Giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
<b>2</b>	<b>Phát triển thị trường nông sản</b>				
2.1	Xây dựng hệ thống thông tin về thị trường nông sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
2.2	Tổ chức các hội chợ, triển lãm, hội thảo, diễn đàn xúc tiến thương mại, hoạt động kết nối các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
<b>3</b>	<b>Khoa học công nghệ và khuyến nông</b>				
3.1	Xây dựng, công nhận các vùng nông nghiệp công nghệ cao nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các vùng sinh thái đặc biệt là các sản phẩm chủ lực.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
3.2	Xây dựng các vùng nông nghiệp công nghệ cao nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các vùng sinh thái đặc biệt là các sản phẩm chủ lực.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
3.3	Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất theo hướng công nghệ cao, công nghệ số, sản xuất tuần hoàn, sản xuất hữu cơ; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, đa giá trị, mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, sản xuất kết hợp du lịch sinh thái, thực hành nông nghiệp tốt.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	

<b>STT</b>	<b>Giải pháp</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
3.4	Số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia trồng trọt, bảo vệ thực vật.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố, chính quyền địa phương	2024-2025	
<b>4</b>	<b>Đào tạo nguồn nhân lực</b>				
4.1	Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nông nghiệp và hợp tác xã	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
<b>5</b>	<b>Xây dựng, triển khai hiệu quả, chất lượng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển trồng trọt</b>				
5.1	Triển khai hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án đã được phê duyệt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm, 5 năm và kết thúc kế hoạch thực hiện các Đề án	
<b>6</b>	<b>Tổ chức kiểm tra, đánh giá</b>				
6.1	Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
6.2	Định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	5 năm và kết thúc Kế hoạch